

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/HNGĐ- ST

Ngày 23- 6- 2021

V/v: “ Ly hôn với người mất tích ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Đình Hồng

Bà Đặng Thị Thỏa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 61/2021/ TLST- HNGĐ ngày 10/5/2021 về việc “ Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn N - sinh năm 1973

Trú quán: Xóm Nghĩa Môn, phường L, thị xã B, tỉnh T (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T- sinh năm 1970

Nơi cư trú cuối cùng: xóm Nghĩa Môn, phường L, thị xã B, tỉnh T (Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021 và bản tự khai nguyên đơn- anh Vũ Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 1992. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại xóm Nghĩa Môn, phường , thị xã B. Chung sống với nhau được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì anh đi làm ăn xa nhà nên ở nhà chị T bỏ nhà đi và không có tin tức gì với anh. Mặc dù anh đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của chị T. Anh về cả quê ngoại ở H, Huyện H hỏi anh em họ hàng bên ngoại nhưng không ai có biết chị T, đi đâu làm gì. Vì thời gian chị T bỏ đi đã gần 20 năm nay nên anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị T. Ngày 16/4/2021 Tòa án nhân dân thị xã

B đã ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07 ngày 16/4/2021 tuyên bố chị Nguyễn Thị T mất tích. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì chị Nguyễn Thị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến của đương sự, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Anh Vũ Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết cho anh được ly hôn với Nguyễn Thị T. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường L, thị xã B và Tòa án nhân dân thị xã B đã tuyên bố mất tích đối với chị T, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của anh Vũ Văn N HĐXX thấy:

Về hôn nhân: Anh N và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND L, thị xã B là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do anh N đi làm ăn xa ít về nhà nên chị T đã bỏ nhà đi không có tin tức gì. Anh N đã tích cực tìm kiếm trong thời gian dài mà chị T không trở về nhà và không có liên lạc gì với anh và gia đình nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị T mất tích. Ngày 16/4/2021 Tòa án nhân dân thị xã Bm S đã tuyên bố chị Nguyễn Thị T mất tích theo quyết định số: 07/2021/QĐST-DS ngày 16/4/2021. Vì vậy, anh N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. HĐXX xét thấy yêu cầu của anh N là hoàn toàn chính đáng, chị T đã bỏ nhà đi từ năm 1993 đến nay không tin tức, thời gian vợ chồng xa nhau quá dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T là phù hợp với tình trạng hôn nhân giữa hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh N xử cho anh được ly hôn với chị T là phù hợp.

Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Văn N phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh N đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bm

S ngày 07/5/2021 theo biên lai thu số: AA/2019/ 0007253. Như vậy, anh Vũ Văn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, Điều 228/ Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự
- Điều 56, 57/ Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* **Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn N

- Về hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.
- Về con cái: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Văn N phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh Nê đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B ngày 07/5/2021 theo biên lai thu số: AA/2019/ 0007253. Như vậy, anh Vũ Văn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Vũ Văn N, vắng mặt chị Nguyễn Thị T. Anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(23/6/2021). Chị T được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã B ;;
- đương sự;
- UBND P. L(ĐK 1992)
- THA Dân sự TX B;
- Lu Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ

